

Số: 1004/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 3 năm 2018

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN Số: 251 Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố năm 2018 (Đợt 1)

Ngày: 07/3/18
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố về việc ban hành Quy định về cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 6898/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 11/TTr-SKH&CN ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Thông báo số 12/TB-VP ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Văn phòng UBND thành phố về nội dung giao ban ngày 07 và 08 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố năm 2018 (Đợt 1) theo danh mục chi tiết kèm theo.

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hằng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành, chỉ triển khai các nhiệm vụ có cam kết ứng dụng của đơn vị sử dụng kết quả sau khi nhiệm vụ hoàn thành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các cơ quan chức năng liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND thành phố (để b/c);
- CT UBND TP;
- Sở KH&CN, Sở TC;
- Các đơn vị chủ trì;
- VP UBND TP: QL&Th, KT;
- Lưu: VT, KGVX^(Hiệp)

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2018 (Đợt 1)
 (Kèm theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông; Quy trình nghiệm thu kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông; Khảo sát và đưa ra đánh giá chất lượng kỹ thuật của các hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo khoa học; Bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera</p>	<p>- Xây dựng bộ chỉ dẫn kỹ thuật và qui trình nghiệm thu kỹ thuật. + Đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật tham chiếu về hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông. + Nội dung của bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông (Các yêu cầu về kiến trúc hệ thống; Các yêu cầu của hệ thống phần cứng; Các yêu cầu về hệ thống phần mềm và dữ liệu vi phạm; Các yêu cầu về nhận dạng lỗi vi phạm). + Quy trình nghiệm thu chất lượng kỹ thuật hệ thống camera xử lý vi phạm.</p> <p>- Khảo sát và đánh giá chất lượng kỹ thuật của hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p>	<p>Sau quá trình đưa vào khai thác hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm xe quá tải tại cầu Thuận Phước và hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông tại cầu Sông Hàn từ đầu năm 2016, Trung tâm điều hành đèn tín hiệu giao thông và VTCC đã ghi nhận nhiều bất cập trong công tác vận hành. Một trong những vấn đề nổi bật là công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống giám sát thông qua các tiêu chuẩn định lượng như khả năng hoạt động trong các điều kiện khác nhau của thiết bị, tỉ lệ lỗi phát hiện được, tỉ lệ nhận diện đúng biến số...</p> <p>Do các dự án đang được triển khai đều mang tính mới và hiện đại, các tiêu chuẩn quốc gia từ năm 2009 chưa cụ thể và các tiêu chuẩn quốc tế phức tạp; việc xây dựng một bộ chỉ dẫn chi tiết để đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát lỗi vi phạm giao thông qua camera giám sát trở nên vô cùng cần thiết.</p> <p>- <i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Sở Giao thông Vận tải, Trung tâm Điều hành Đèn tín hiệu giao thông và Vận tải công cộng.</p>	Tuyển chọn	15 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
2	Xây dựng giải pháp Điện thoại Internet đến Tổng đài Dịch vụ công Đà Nẵng để hỗ trợ miễn phí điện thoại cho người dân.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng giải pháp điện thoại Internet đến Tổng đài Dịch vụ công Đà Nẵng để hỗ trợ tư vấn miễn phí cho người dân.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Ứng dụng trên điện thoại thông minh; Tổng đài mềm cho phép kết nối cuộc gọi, tin nhắn đa phương tiện trên môi trường mạng Internet và PSTN; Module tích hợp dữ liệu vào phần mềm Microsoft Dynamic CRM, cho phép quản lý thông tin của người dùng ứng dụng khi gọi đến Tổng đài.</p>	<p>1. Xây dựng ứng dụng trên điện thoại thông minh cho phép gọi điện thoại (miễn phí) đến Tổng đài Dịch vụ công dựa trên kết nối internet (ứng dụng hoạt động trên 02 nền tảng phổ biến là iOS và Android).</p> <p>2. Xây dựng tổng đài mềm trung gian nhằm kết nối Ứng dụng nêu trên và hệ thống Tổng đài giao tiếp điện tử (Tổng đài AVAYA) của Trung tâm Thông tin dịch vụ công Đà Nẵng, bao gồm các hợp phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương thức giao tiếp giữa Ứng dụng với Tổng đài mềm và phương thức giao tiếp giữa Tổng đài mềm với Tổng đài AVAYA. + Phát triển các chức năng cần có của Tổng đài mềm phục vụ hoạt động thoại và phù hợp với hoạt động của Tổng đài AVAYA. + Lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu người dùng. + Tích hợp CSDL của Tổng đài mềm với phần mềm Microsoft Dynamic CRM. + Tổng đài mềm có khả năng thiết lập các kết nối cơ bản đến các loại tổng đài IP khác. 	<p>Tổng Đài thông tin dịch vụ công Đà Nẵng cung cấp và giải đáp cho tổ chức, công dân về quy định, chính sách, dịch vụ hành chính công, thông tin kinh tế - xã hội thành phố; Tiếp nhận thông tin phản ánh của tổ chức, công dân để chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Hiện nay, người dân gọi điện đến tổng đài thông qua điện thoại di động hoặc cố định. Do vậy, người dân phải trả phí gọi điện cho nhà mạng viễn thông; tin nhắn SMS người dân phản ánh hiện nay số ký tự hạn chế nên phản ánh góp ý rất hạn chế. Theo thống kê, ước tính chi phí người dân phải trả cho các nhà mạng viễn thông là hơn 715 triệu đồng/năm (trung bình 5 phút/cuộc gọi, cước phí 980đ/phút đối với thuê bao di động) khi liên lạc đến tổng đài dịch vụ công (Tổng đài nhận khoảng 146.000 cuộc gọi/ năm). Do vậy, người dân có tâm lý chỉ gọi đến Tổng đài khi nào thực sự cần thiết, đồng thời luôn chú ý hạn chế thời lượng cuộc gọi, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng tư vấn, giải đáp của Tổng đài cho người dân.</p> <p>Nhiệm vụ đề xuất giải pháp thông tin liên lạc đến tổng đài qua Điện thoại Internet trên nền tảng dịch vụ Over-On-Top (OTT) là cần thiết, cho phép người dân gọi, nhắn tin đến tổng đài từ ứng dụng app trên điện thoại thông minh và không tốn phí cuộc gọi với nhà mạng viễn thông. Việc nhắn tin không giới hạn số lượng ký tự của tin nhắn và có thể tiếp nhận được các tin nhắn hình ảnh khi người dân phản ánh.</p> <p>- <i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Thông tin dịch vụ công.</p>	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng Mô hình kết nối các hệ thống camera trên địa bàn thành phố.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng các khuyến nghị về tiêu chuẩn công nghệ, kỹ thuật để áp dụng cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp/tổ chức triển khai các hệ thống camera theo dõi/giám sát; Xây dựng mô hình kết nối và chia sẻ các hệ thống camera; Xây dựng mô hình giám sát chất lượng, bảo đảm an toàn thông tin.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Mô hình tổng thể Hệ thống camera thành phố Đà Nẵng và các tài liệu kỹ thuật liên quan.</p>	<p>1. Khảo sát hiện trạng hệ thống camera trên địa bàn TP Đà Nẵng (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật của các thiết bị/ứng dụng sau: Camera; đầu ghi; hạ tầng truyền dẫn; mạng; phần mềm quản lý hệ thống camera; màn hình giám sát/theo dõi chung toàn hệ thống; thiết bị phụ trợ khác...);</p> <p>2. Phân tích và đánh giá các ưu điểm và hạn chế của các hệ thống camera hiện đang vận hành tại TP Đà Nẵng.</p> <p>3. Xây dựng mô hình kết nối tổng thể Hệ thống camera TP Đà Nẵng: Mô hình tổng quan; Mô hình nghiệp vụ; Mô hình ứng dụng; Mô hình dữ liệu; Mô hình truyền dẫn kết nối; Mô hình an toàn an ninh thông tin.</p> <p>4. Xây dựng các khuyến nghị các tiêu chuẩn cần áp dụng của Hệ thống camera: Các tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị camera; Các tiêu chuẩn về dữ liệu; Các tiêu chuẩn về ứng dụng và tích hợp ứng dụng; Các tiêu chuẩn về hạ tầng mạng; Các tiêu chuẩn về an toàn an ninh thông tin.</p> <p>5. Đề xuất các định hướng, lộ trình xây dựng hệ thống camera phù hợp với đề án xây dựng TP thông minh hơn.</p>	<p>Nhu cầu về sử dụng camera để giám sát hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực an ninh trật tự, giao thông, hoạt động hành chính, giáo dục, v.v... là tất yếu trong bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội ở thành phố hiện nay. Toàn thành phố hiện có khoảng gần 3000 camera giám sát đặt tại các khu vực công cộng, nhà trường; do rất nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân đầu tư khác nhau gồm Hệ thống camera giám sát trật tự xã hội (do Công an quản lý) với khoảng 1800 camera, 6 server tập trung, 70 đầu ghi các loại; Hệ thống camera giám sát giao thông (Sở Giao thông Vận tải giám sát) với khoảng 100 camera giám sát; 34 hệ thống camera tại 34 trường, cơ sở đào tạo tự đầu tư tự phát với khoảng 370 camera; Các hệ thống camera tại bộ phận một cửa các phường xã (do phường xã tự đầu tư riêng rẽ) với khoảng 200 camera; Hệ thống camera 0511.vn do Hội Phát triển Đà Nẵng thiết lập và chia sẻ tại website 0511.vn (khoảng 20 camera) và các camera giám sát do người dân đầu tư đóng góp để giám sát tại xóm, phố (chưa thống kê được). Các hệ thống camera trên chưa kết nối được với nhau. Nhiều hệ thống có số lượng camera lớn, kết nối đến server nước ngoài nên nguy cơ về lộ thông tin. Do đó dẫn tới tình trạng: đầu tư chồng chéo, không thể khai thác dữ liệu lớn, nguy cơ mất an toàn thông tin, công nghệ không đồng bộ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn các hạn chế trên là chưa có một mô hình cụ thể để áp dụng cho việc đầu tư, phát triển hệ thống camera trên địa bàn. Do đó việc xây dựng Mô hình tổng thể kết nối các hệ thống camera trên địa bàn thành phố là rất cần thiết để giải quyết các hạn chế này.</p> <p>- <i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố có triển khai camera.</p>	Tuyển chọn	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số loài cây thuốc dưới tán rừng.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số loài cây thuốc có giá trị dưới tán rừng nhân tạo và nhân rộng áp dụng mô hình dưới tán rừng tự nhiên ở một số xã miền núi nhằm khôi phục, bảo tồn và phát triển một số loài cây thuốc có giá trị trên địa bàn thành phố.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo khoa học; Bộ sưu tập giống; Sơ đồ thiết kế cảnh quan khu vực rừng nhân tạo 5.000m²; Sơ đồ cải tạo cảnh quan khu vực rừng thực tế 5.000-10.000 m²; Quy trình công nghệ về nhân giống, chăm sóc cây con và trồng cây dược liệu. 05 mô hình trồng thử nghiệm 5 loài cây thuốc (mỗi loài trên diện tích 1.000 m²) tại Trung tâm CNSH; 01 mô hình thực nghiệm/ trình diễn bảo tồn tại chỗ và trồng xen lẫn 5 loài cây thuốc trên 1 ha rừng tự nhiên để so sánh đối chứng thử nghiệm/ thực nghiệm.</p>	<p>- Khảo sát hiện trạng đất đai, xây dựng cảnh quan tán rừng nhân tạo 5000 m² tại khu vực trồng thử nghiệm tại Trung tâm CNSH đồng thời khảo sát chọn một khu vực rừng tự nhiên 1 ha (10.000 m²) tại huyện Hòa Vang để trồng thực nghiệm.</p> <p>- Chọn lọc 05 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn và phát triển để nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống, kỹ thuật trồng cây dược liệu.</p> <p>- Thiết kế quy hoạch khu vực trồng thử nghiệm tại Trung tâm CNSH thành phố Đà Nẵng và cải tạo khu vực trồng thực nghiệm trên rừng tự nhiên.</p> <p>- Hoàn thiện quy trình nhân giống cho 05 loài cây thuốc, có thể nhân nhanh số lượng cây giống phục vụ trồng sản xuất đại trà.</p> <p>- Xây dựng mô hình trình diễn trồng cây thuốc theo hướng VietGAP dưới tán rừng và trong nông hộ.</p>	<p>Bảo tồn nguồn gen dược liệu và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc là một chủ trương nhất quán và nhu cầu bức thiết của Nhà nước và thành phố Đà Nẵng thông qua các chương trình, kế hoạch hành động đã phê duyệt như Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của TTCP về <i>phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam</i>; Quyết định số 1976/2013/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của TTCP về <i>quy hoạch tổng thể phát triển Dược liệu</i>; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của TTCP về <i>Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen</i>, Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 của UBND TP Đà Nẵng về <i>Kế hoạch Phát triển y, dược cổ truyền tại thành phố</i>. Đồng thời mới đây nhất, UBND TP Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 phê duyệt 07 địa điểm quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố; trong đó có 2 vùng trồng cây dược liệu tại Hòa Ninh và Hòa Phú. Trên cơ sở kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố “<i>Đánh giá thực trạng cây thuốc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển</i>”, Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng đề xuất thực hiện đề tài để bảo tồn và phát triển các cây thuốc có giá trị và có tiềm năng mở rộng thị trường.</p> <p>- Địa chỉ ứng dụng: Trung tâm Công nghệ sinh học, UBND huyện Hòa Vang và các đơn vị có liên quan.</p>	Trung tâm Công nghệ sinh học	36 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
5	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm trong điều trị vô sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xác định các nguyên nhân gây vô sinh ở các bệnh nhân đến điều trị tại Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng; Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm trong điều trị vô sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng; Hoàn thiện kỹ thuật và quy trình điều trị.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo khoa học; Quy trình kỹ thuật; bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành.</p>	<p>- Nghiên cứu đánh giá các đặc điểm lâm sàng. Xác định nguyên nhân gây vô sinh ở các bệnh nhân đến điều trị ở Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng.</p> <p>- Xác định các tiêu chuẩn chọn mẫu (<i>đối với người vợ, đối với người chồng và nguyên nhân chung cả vợ và chồng</i>); và các <i>Tiêu chuẩn loại trừ (Đối với người vợ, Đối với người chồng, Nguyên nhân chung)</i>.</p> <p>- Tiến hành ứng dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm để điều trị vô sinh (<i>Tìm hiểu về thông tin cá nhân; Khám lâm sàng và xét nghiệm; xác định nguyên nhân cụ thể, tiến hành điều trị</i>) cho trên 200 bệnh nhân.</p> <p>- Đánh giá hiệu quả điều trị.</p> <p>- Hoàn thiện kỹ thuật và quy trình điều trị.</p>	<p>Có nhiều nguyên nhân gây vô sinh, trong đó vô sinh do nữ chiếm 32%, vô sinh nam chiếm 18,8%, vô sinh do cả nam và nữ chiếm 18,5%, không rõ nguyên nhân chiếm 11,1% và các nguyên nhân khác chiếm 5,6%. Khoảng 15% cặp vợ chồng có trên một nguyên nhân gây vô sinh. Xác định được nguyên nhân mới có thể có chiến lược điều trị phù hợp. Việc chẩn đoán và điều trị vô sinh ở Việt Nam được phát triển trong thời gian gần đây, tuy nhiên chi tập trung mạnh ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng được thành lập năm 2012, là bệnh viện tuyến cuối của thành phố trong lĩnh vực sản phụ khoa, tiếp nhận khám và điều trị cho các bệnh nhân không chỉ ở thành phố Đà Nẵng mà các tỉnh thành miền Trung-Tây Nguyên. Ngoài ra, Bệnh viện cũng là cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Dược Huế, Đại học Kỹ thuật Y dược thành phố Đà Nẵng, Khoa Y Đại học Đà Nẵng... Trước thực trạng các bệnh nhân vô sinh-hiếm muộn có chỉ định làm thụ tinh trong ống nghiệm phải ra Hà Nội hay vào thành phố Hồ Chí Minh để điều trị, làm tăng gánh nặng về mặt kinh tế cũng như cản trở công tác, sinh hoạt hàng ngày của bệnh nhân, Bệnh viện đã có nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai kỹ thuật này trong điều trị vô sinh và bước đầu có kết quả. Tuy nhiên việc triển khai kỹ thuật và quy trình điều trị cần phải được nghiên cứu đầy đủ và hoàn thiện để có thể ứng dụng mạnh mẽ kỹ thuật này tại Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng và nâng cao hơn nữa tỷ lệ thành công. Công trình nghiên cứu này nếu được triển khai sẽ cung cấp số liệu về nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng gây vô sinh, triển khai kỹ thuật hiện đại trong điều trị vô sinh, qua đó nâng cao năng lực điều trị cho Bệnh viện.</p> <p>- <i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng, Sở Y tế và các đơn vị liên quan.</p>	Bệnh viện Phụ Sản Nhi Đà Nẵng	24 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
6	Nghiên cứu tình hình sử dụng kháng sinh ban đầu ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện tại Bệnh viện Đà Nẵng.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Đánh giá được tình hình sử dụng kháng sinh ban đầu ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện; Đánh giá về tình trạng kháng kháng sinh trong điều trị các bệnh nhân viêm phổi và đề xuất các giải pháp.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo tình hình sử dụng kháng sinh ban đầu ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện; tình trạng kháng kháng sinh trong điều trị các bệnh nhân viêm phổi. Báo cáo đề xuất các giải pháp về sử dụng thuốc kháng sinh hợp lý và hiệu quả.</p>	<p>- Nghiên cứu tổng quan về tình hình viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện ở trên thế giới, Việt Nam và thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- Đánh giá được tình hình sử dụng kháng sinh ban đầu ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện</p> <p>- Đánh giá về tình trạng kháng kháng sinh trong điều trị các bệnh nhân viêm phổi</p> <p>- Đề xuất các giải pháp về sử dụng thuốc kháng sinh hợp lý và hiệu quả trên địa bàn thành phố.</p>	<p>Viêm phổi là một bệnh lý đã được biết đến từ lâu tuy nhiên đến nay vẫn là bệnh lý gây tử vong hàng đầu trên thế giới. Theo ước tính của Tổ chức YTTG, viêm phổi là nguyên nhân nhiễm khuẩn hàng đầu gây tử vong với gần 3,5 triệu người hàng năm. Thêm vào đó, viêm phổi cũng là một trong những bệnh điều trị tốn tiền nhất trên thế giới và là một trong năm bệnh chi phí nhiều nhất của bảo hiểm y tế Mỹ. Ở Việt Nam, mỗi ngày có 11 trẻ em dưới 5 tuổi chết vì viêm phổi và ở người lớn viêm phổi chiếm 12% trong tổng số các bệnh phổi, đứng hàng thứ tư trong các bệnh phổi thường gặp. Trong điều trị viêm phổi cộng đồng cũng như viêm phổi bệnh viện thì kháng sinh là nhóm thuốc điều trị chính và việc sử dụng kháng sinh hợp lý góp phần nâng cao hiệu quả điều trị, giảm kháng thuốc. Tuy nhiên trong khi viêm phổi xuất hiện ngày càng nhiều, nguyên nhân vi sinh vật gây viêm phổi rất đa dạng, vi khuẩn đa đề kháng kháng sinh, vi khuẩn kháng toàn bộ, vi khuẩn siêu kháng thuốc ngày càng tăng thì vấn đề sử dụng kháng sinh tràn lan như hiện nay làm xuất hiện ngày càng nhiều các chủng vi khuẩn kháng thuốc, sự phát triển kháng sinh thể hệ mới không theo kịp sự kháng thuốc của vi khuẩn làm tăng tỷ lệ điều trị thất bại. Lựa chọn kháng sinh khởi đầu không phù hợp dẫn tới dùng kháng sinh leo thang, làm tăng thời gian nằm viện, ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị cũng như tổn kém nguồn lực của xã hội bao gồm cả chi phí, sức lao động, góp phần vào tình trạng quá tải bệnh nhân tại các tuyến y tế trung ương. Vì vậy việc tiến hành đề tài là rất cần thiết.</p> <p><i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Sở Y tế, Bệnh viện Đà Nẵng và các bệnh viện khác.</p>	Bệnh viện Đà Nẵng	18 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu và các giải pháp truyền thông giáo dục cho học sinh các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về lịch sử chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa phục vụ giáo dục cho học sinh THCS, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghiên cứu giải pháp và thực hiện thí điểm các giải pháp truyền thông giáo dục chủ quyền biển đảo; Đánh giá tính hiệu quả và bài học kinh nghiệm cho công tác truyền thông; Cung cấp cơ sở lý luận khoa học cho việc xây dựng bộ tài liệu truyền truyền, giáo dục biển đảo trong nhà trường.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo khoa học; Cơ sở dữ liệu về Hoàng Sa được xây dựng chọn lọc, khoa học phù hợp với các đối tượng truyền thông, giáo dục; Các nhóm giải pháp truyền thông.</p>	<p>- Nghiên cứu tổng quan, tổng hợp so sánh phân loại, chọn lọc tư liệu Hoàng Sa phù hợp với việc phục vụ tuyên truyền giáo dục cho học sinh THCS, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- Xây dựng các nhóm giải pháp tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa phù hợp với từng đối tượng, trong các thời điểm khác nhau.</p> <p>- Bước đầu phối hợp với các trường THCS, THPT tại Đà Nẵng thực hiện thí điểm các nhóm giải pháp tuyên truyền, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn nhằm củng cố, xây dựng cơ sở khoa học cho việc tuyên truyền.</p>	<p>Trong những năm gần đây việc nghiên cứu về Hoàng Sa - chủ quyền Việt Nam trên biển Đông đã có nhiều thành tựu đáng kể. Các công trình nghiên cứu đã từng bước làm sáng tỏ quá trình xác lập, quản lý liên tục của các nhà nước Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa, góp phần vào công cuộc đấu tranh chủ quyền Việt Nam trên quần đảo. Tuy vậy, công tác nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu có chọn lọc phục vụ cho việc tuyên truyền giáo dục biển đảo trong nhà trường chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì vậy việc xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về Hoàng Sa - lãnh thổ Việt Nam và bước đầu thực hiện thí điểm các giải pháp tuyên truyền, giáo dục chủ quyền biển đảo cho đối tượng là học sinh THCS, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết, có tính thời sự và thực tiễn cao.</p> <p>- <i>Địa chỉ ứng dụng:</i> UBND huyện Hoàng Sa, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p>	UBND huyện Hoàng Sa	24 tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, sản phẩm	Nội dung nghiên cứu	Tính cấp thiết, địa chỉ ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
8	Nghiên cứu và phát triển giải pháp gọi vốn cộng đồng trên internet dành cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	<p>- <i>Mục tiêu:</i> Cung cấp một giải pháp gọi vốn mới, bền vững cho các doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Đà Nẵng, và thử nghiệm trước tiên với các dự án có định hướng xã hội và cộng đồng.</p> <p>- <i>Sản phẩm:</i> Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; Nền tảng kỹ thuật (website và hệ thống bên dưới) gọi vốn cộng đồng dành cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Đà Nẵng; Mô hình gọi vốn; Báo cáo đánh giá hiệu quả và khả năng mở rộng của giải pháp.</p>	<p>- Khảo sát nhu cầu gọi vốn cộng đồng của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có định hướng xã hội tại Đà Nẵng.</p> <p>- Khảo sát và đánh giá mức độ sẵn sàng góp vốn từ cộng đồng tại thành phố Đà Nẵng, thói quen và các ưu tiên của việc tham gia góp vốn cộng đồng.</p> <p>- Nghiên cứu các quy định nhà nước liên quan đến gọi vốn cộng đồng, huy động tài chính cũng như các điều kiện thực tiễn tại thành phố, từ đó đề xuất mô hình gọi vốn cộng đồng hợp lệ, phù hợp và tận dụng được các chương trình hỗ trợ vốn khác của Đà Nẵng.</p> <p>- Phát triển nền tảng dựa trên mô hình đề xuất.</p> <p>- Thử nghiệm giải pháp với các dự án/doanh nghiệp trong nhóm mục tiêu (03 - 04 dự án).</p> <p>- Phân tích, đánh giá mức độ hiệu quả của giải pháp cũng như khả năng mở rộng của giải pháp.</p>	<p>Thiếu vốn là một trong những nguyên nhân phổ biến dẫn đến sự thất bại và chết yểu của nhiều dự án khởi nghiệp. Tìm kiếm nguồn vốn và gọi vốn với người khởi nghiệp là mối quan tâm hàng đầu. Tuy vậy, gọi đầu tư vào các dự án khởi nghiệp tại Việt Nam là một nhiệm vụ không hề dễ dàng. Tại Đà Nẵng, việc tiếp cận các nguồn vốn thậm chí còn khó khăn hơn khi hệ sinh thái nơi đây còn rất non trẻ. Các dự án khởi nghiệp tại đây chủ yếu gọi đầu tư qua hình thức thiên thân bao gồm người thân, bạn bè và một số ít nhà đầu tư thiên thân (ví dụ: Công ty Cổ phần Đầu tư Flying Fish) hoặc các quỹ/chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của thành phố... Tuy nhiên số lượng dự án được hỗ trợ còn hạn chế. Hình thức huy động vốn Crowdfunding - Gọi vốn cộng đồng là hình thức cộng đồng chung tay góp vốn cho một ý tưởng, một sản phẩm mới thành hiện thực. Tùy vào mức độ đóng góp, người góp sẽ nhận được những món quà tri ân, mà thường là sản phẩm thực tế khi nó ra đời. Những đóng góp này mặc dù được xem như là tiền ủng hộ, nhưng qua thời gian thực chất có thể xem là tiền đặt mua sản phẩm ngay cả khi sản phẩm chưa ra đời. Mỗi chiến dịch gọi vốn sẽ có một mục tiêu và thời hạn, nếu sau thời hạn dự kiến số tiền gọi về bằng hoặc cao hơn mục tiêu thì chiến dịch đó đã thành công và vốn huy động được sẽ được chuyển cho doanh nghiệp/dự án để triển khai kế hoạch sản xuất của mình. Trong trường hợp ngược lại, chiến dịch được xem là thất bại, toàn bộ số tiền gọi sẽ được hoàn trả lại cho người góp vốn. Khi gọi vốn cộng đồng, bên cạnh vốn, doanh nghiệp/dự án sẽ có cơ hội quý giá để khảo sát thị trường (nếu không ai góp vốn có nghĩa sản phẩm của bạn không phù hợp) và để làm marketing (báo chí và người tiêu dùng sẽ bàn tán về sản phẩm). Vì vậy việc thực hiện đề tài là cần thiết nhằm phát triển nền tảng gọi vốn cộng đồng phù hợp tại Đà Nẵng.</p> <p><i>Địa chỉ ứng dụng:</i> Hội đồng Điều phối mạng lưới khởi nghiệp, Vườn ươm doanh nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp có nhu cầu gọi vốn.</p>	Hội đồng điều phối mạng lưới khởi nghiệp thành phố Đà Nẵng	15 tháng
Tổng cộng 08 đề tài						